

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HSST

Ngày: 15/01/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Quang Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Danh Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng T - sinh năm 1986 tại Khánh Hòa; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ - xã C- huyện C- tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ - xã C- huyện C- tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn K – sinh năm: 1955 và bà: Nguyễn Thị Hồng V – sinh năm: 1959; Vợ: Bùi Thị M – sinh năm: 1992, Con: 02 con (6 tuổi và 4 tuổi); Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 14/9/2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp T sản”, chấp hành xong ngày 10/4/2018; Nhân thân: Ngày 29/5/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp T sản”, chấp hành xong ngày 27/10/2008; Ngày 15/11/2019 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “ Trộm cắp T sản”. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Khánh Hòa– Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Bà Võ Thị Mỹ D – Sinh năm 1984

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Khánh Hòa- Vắng mặt tại phiên tòa.

-Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Ngọc P - Sinh năm 1988

Trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

2. Ông Nguyễn Đức S– Sinh năm 1995

Trú tại: Thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

3. Ông Bùi Văn H – Sinh năm 1965

Trú tại: Thôn Q, xã B, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Các nhân chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 03/8/2019, sau khi ăn nhậu ở khu vực C , xã B, Nguyễn Trọng T đi bộ đến trước tiệm tạp hóa của chị Võ Thị Mỹ D ở thôn T , xã B, huyện C để đón xe buýt về lại xã H. Trong lúc đợi xe, T thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ- đen, biển số 79Z1-286.18 của chị D dựng trong tiệm nên nảy sinh ý định trộm cắp. T đi qua đi lại trước tiệm nhiều lần để quan sát rồi giả vờ vào mua hàng, sau đó đến gần xe thì thấy chìa khóa xe gắn sẵn ở khóa điện nên T quay ra ngoài để áo khóa và mũ ở lề đường, lấy khẩu trang bịt mặt rồi quay vào trong tiệm dắt lui xe mô tô biển số 79Z1-286.18 ra ngoài đường rồi ngồi lên xe nổ máy chạy về nhà. Chị D từ trong nhà quan sát camera an ninh phát hiện chạy ra nhưng không kịp nên đến Công an xã B trình báo.

Sau khi lấy được xe mô tô biển số 79Z1-286.18, T mua sơn về sơn xe, thay nhãn mác xe và dùng cờ lê tháo biển số đem vứt ở khu vực gần cổng Làng văn hóa C, xã H. Sau đó T mua biển số 79N5-1434 của một người phụ nữ mua bán phế liệu dạo gắn vào xe sử dụng làm phương tiện đi lại. Thấy em ruột là Nguyễn Ngọc P không có xe đi làm nên T đưa xe mô tô cho P sử dụng.

Tại Kết luận định giá T sản số 19/KLĐGTS ngày 23/10/2019, Hội đồng định giá thường xuyên T sản trong tổ tụng hình sự huyện C, xe mô tô Yamaha Sirius 110, màu đỏ- đen, biển số 79Z1-286.18, số khung: C6K0GY285743, số máy: 5C6K-285681 trị giá 15.200.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 01/CT-VKSCL ngày 12/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Trọng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa giữ nguyên nội dung truy tố nêu trên; Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Trọng T; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng T từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng tù; Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp hình phạt với Bản án số 21/2019/HSST ngày 15/11/2019 đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị

hại đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường, không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Tịch thu tiêu hủy 01 cờ lê.

Bị cáo Nguyễn Trọng T không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử tuyên án thể hiện bị cáo ăn năn hối cải, đề nghị Tòa án khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trọng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 03/8/2019, tại thôn Q, xã B, huyện C, Nguyễn Trọng T đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius 110 màu đỏ đen, biển số 79Z1-286.18, số khung: C6K0GY285743, số máy: 5C6K-285681 của chị Võ Thị Mỹ D trị giá 15.200.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Trọng T có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Nguyễn Trọng T theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 tại Bản cáo trạng số 01/CT-VKSCL ngày 12/12/2019 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của Nguyễn Trọng T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang trong cộng đồng dân cư. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần phạm tội bị xử phạt tù về tội chiếm đoạt nhưng không thay đổi, phạm tội mới khi chưa được xóa án tích. Chính vì vậy cần xử lý nghiêm minh mới đủ tác dụng răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt phù hợp với hành vi và tính chất phạm tội đối với bị cáo.

Ngoài ra, ngày 18/9/2019 bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm 03 tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án tại Bản án số: 21/2019/HSST ngày 15/11/2019, đã có hiệu lực thi hành theo Quyết định thi hành án phạt tù số: 45/2019/QĐ-CA ngày 18/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ khoản 1 khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Trọng T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

Nguyễn Ngọc P sử dụng xe mô tô do Nguyễn Trọng T trộm cắp của chị Võ Thị Mỹ D nhưng không biết đó là xe do phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Ngọc P.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu giữ; giao Cơ quan thi hành án dân sự huyện C 01 cờ lê 10 bằng kim loại, một đầu hình tròn, một đầu hình chữ U (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/12/2019).

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; chiếc cờ lê là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Võ Thị Mỹ D đã nhận lại T sản bị chiếm đoạt và số tiền bồi thường, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

Đối với biển số xe 79N5-1434 Công an huyện C đang quản lý và xử lý theo quy định.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Trọng T phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

-Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

-Áp dụng khoản 1 khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tổng hợp hình phạt 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù tại Bản án số: 21/2019/HSST ngày 15/11/2019, đã có hiệu lực thi hành theo Quyết định thi hành án phạt tù số: 45/2019/QĐ-CA ngày 18/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa; buộc bị cáo Nguyễn Trọng T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

-Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tịch thu tiêu hủy 01 cờ lê. Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/12/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C và Cơ quan thi hành án dân sự huyện C.

-Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Võ Thị Mỹ D đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và số tiền bồi thường, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

-Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Trọng T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

-Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Trọng T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại chị Võ Thị Mỹ D được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- Cơ quan điều tra huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hằng

